

DI CƯ VIỆC LÀM CỦA THANH NIÊN DÂN TỘC THIỂU SỐ ĐẾN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM: HIỆN TRẠNG VÀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI¹

TS. Nguyễn Đỗ Hương Giang

GS.TS. Đặng Văn Minh

ThS. Dương Thị Minh Hòa

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên

Email: nguyendohuonggiang@tuaf.edu.vn

Tóm tắt: Bài viết với mục tiêu đánh giá thực trạng và một số vấn đề quan tâm đến di cư việc làm của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số (DTTS) tại các khu công nghiệp. Khảo sát được thực hiện ở 3 tỉnh Thái Nguyên, Quảng Nam, Bình Dương trong thời gian hai năm 2020 - 2021 nhằm tìm hiểu các nguyên nhân thúc đẩy người lao động thuộc nhóm thanh niên DTTS di cư đến các khu công nghiệp để tìm việc làm; qua đó làm rõ các yếu tố ảnh hưởng tới cuộc sống, việc làm của nhóm thanh niên DTTS; thực trạng việc làm và thu nhập của họ tại các khu công nghiệp; những vấn đề cần quan tâm giải quyết... để đảm bảo cho nhóm thanh niên DTTS làm việc tại các khu công nghiệp được thuận lợi, hiệu quả.

Từ khóa: Thanh niên dân tộc thiểu số, di cư, khu công nghiệp, việc làm, thu nhập.

Abstract: The article aims to assess the current situation and some issues of concern about the migration for work of ethnic minority youth groups in industrial zones. During the two years of 2020 – 2021, a survey was conducted in 3 provinces: Thai Nguyen, Quang Nam, and Binh Duong to find out the reasons that motivate ethnic minority youth workers to migrate to industrial zones to find jobs. Thereby, this research clarifies factors affecting the life of ethnic minority youth groups; their employment and income status in industrial zones. This article also addresses the concerning issues to ensure that ethnic minority youth groups working in industrial zones are convenient and effective.

Keywords: Ethnic minority youth, migration, industrial zones, employment, income.

Ngày nhận bài: 25/6/2021; ngày gửi phản biện: 30/6/2021; ngày duyệt đăng: 12/8/2021.

¹ Bài viết là một phần kết quả thuộc đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp”, do Ủy ban Dân tộc cấp kinh phí, Mã số: ĐTCB.UBDT.03.20-21; Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Thái Nguyên là Cơ quan chủ trì; GS.TS. Đặng Văn Minh làm chủ nhiệm.

Đặt vấn đề

Quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế nông nghiệp sang công nghiệp hóa - hiện đại hóa ở nước ta đã tạo ra sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu kinh tế; thúc đẩy làn sóng người lao động di cư từ khu vực nông nghiệp, nông thôn đến các đô thị và khu công nghiệp (KCN) vì mục đích việc làm và thu nhập cao ngày càng phổ biến. Di cư việc làm không chỉ xảy ra với các vùng nông thôn đồng bằng mà cả những vùng miền núi nơi có nhiều DTTS sinh sống với điều kiện kinh tế còn khó khăn. Lao động di cư của cộng đồng DTTS trong đó có nhóm thanh niên góp phần tạo sinh kế, tăng thu nhập, giảm nghèo đa chiều thông qua tiền và vật chất do người đi làm ăn xa gửi về. Song, do là nhóm yếu thế trong xã hội nên di cư việc làm của thanh niên DTTS tại các KCN gặp nhiều khó khăn. Bài viết này với mục tiêu đánh giá thực trạng và nhận diện một số vấn đề quan tâm đối với di cư của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN để làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp hỗ trợ tiếp theo. Tư liệu để đánh giá là kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “*Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp*”, được thực hiện trong hai năm 2020 - 2021 tại 3 tỉnh đại diện cho 3 vùng miền Bắc, Trung, Nam là Thái Nguyên, Quảng Nam và Bình Dương. Tiêu chí để lựa chọn các điểm nghiên cứu là tỉnh có nhiều KCN và có khoảng cách gần với các tỉnh có nhiều cộng đồng DTTS sinh sống, thuận lợi cho việc di cư. Mẫu khảo sát được chọn ngẫu nhiên trong nhóm thanh niên DTTS có độ tuổi 16 - 30 đang làm việc tại các KCN với số lượng 330 phiếu điều tra.

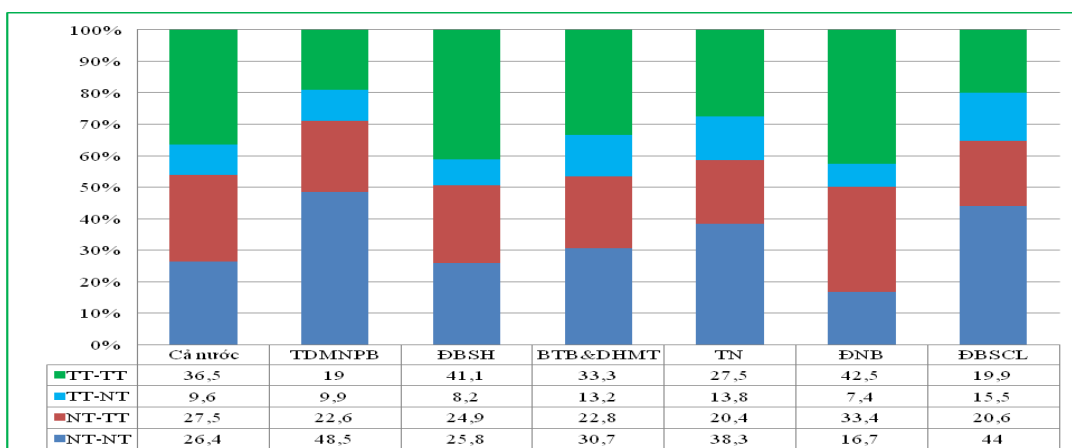
1. Thực trạng di cư của thanh niên dân tộc thiểu số đến các khu công nghiệp

1.1. Trào lưu di cư việc làm của thanh niên DTTS trong bối cảnh chung của cả nước

Một trong những lý do thúc đẩy di cư là quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa của Việt Nam diễn ra nhanh chóng trong những năm gần đây kéo theo một số luồng di cư tăng mạnh, như di cư nông thôn - thành thị, thành thị - thành thị, nông thôn - nông thôn, thành thị - nông thôn. Trong đó, luồng di cư nông thôn - thành thị (bao gồm các khu công nghiệp) chiếm tỷ lệ rất cao, với mục đích chính là di cư lao động, người di cư chủ yếu tìm việc làm tại các đô thị, khu công nghiệp. Trong bối cảnh chung của cả nước, luồng di cư này xảy ra mạnh mẽ ở cả các địa phương có nhiều DTTS sinh sống như vùng trung du và miền núi phía Bắc, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long (Biểu đồ 1).

Theo kết quả khảo sát của Tổ chức CARE Quốc tế tại Việt Nam (2020) ở 5 tỉnh của Việt Nam cho thấy, so với năm 2018, số lao động đi làm ăn xa năm 2019 tăng rất mạnh trong các cộng đồng dân tộc Tày và Nùng ở Bắc Kạn (148%); dân tộc Khơ-me ở Trà Vinh (178%); dân tộc Thái, Mường ở Điện Biên (198%).

Biểu đồ 1: Tỷ lệ luồng di cư theo vùng kinh tế - xã hội (%)



Nguồn: Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương năm 2019

Điều này cũng tương đồng với kết quả *Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019*, phần lớn đối tượng di cư là người trẻ, với độ tuổi phổ biến là 20 - 39 tuổi chiếm 61,8% tổng số người di cư (Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2019). Hiện nay, sự cạnh tranh quyết liệt giữa các đơn vị sử dụng lao động, nhất là các công ty sản xuất dây chuyền khiến nguồn cung lao động có kỹ năng trở nên khan hiếm. Nhiều công ty đã về tận các vùng miền núi xa xôi phối hợp với hệ thống chính trị địa phương để tuyển dụng lao động DTTS. Có những công ty còn trao thưởng cho lao động khi giới thiệu được người DTTS vào làm việc, bởi họ ấn tượng với thể mạnh của người DTTS là chăm chỉ, thật thà, ít nhảy việc. Đặc biệt, xu hướng hòa đồng giữa các dân tộc đã làm giảm sự kỳ thị với người DTTS; cộng đồng nơi đến cũng nhìn nhận và đánh giá cao các điểm mạnh của đồng bào DTTS. Vì thế số lượng lao động thanh niên DTTS di cư gia tăng thêm.

1.2. Độ tuổi và giới tính của người di cư việc làm

Do đối tượng chính để nghiên cứu là thanh niên DTTS di cư tới các KCN, nên giới hạn tuổi của các mẫu điều tra được chọn dựa theo Điều 1, Luật Thanh niên (2020) là từ 16 đến 30 tuổi. Kết quả nghiên cứu ở Bảng 1 cho thấy, phần lớn số lao động thanh niên DTTS làm việc tại các KCN ở độ tuổi 21 - 25 (chiếm 50,0%) và 26 - 30 (35,4%). Đây là lứa tuổi đã trưởng thành, có đủ tố chất của người lớn, dồi dào về trí lực và thể lực, vì thế họ có đủ những điều kiện cần thiết để tham gia hoạt động học tập, lao động, hoạt động chính trị - xã hội đạt hiệu quả cao.

Về giới tính, tỷ lệ lao động nữ DTTS ở các KCN là 63,2%, cao hơn so với nam giới là 36,8%, với lý do đa số ngành nghề sản xuất ở đó là may mặc, lắp ráp điện tử, chế biến nông lâm sản..., phù hợp với khả năng của các lao động nữ. Đặc biệt, tỷ lệ nữ thanh niên DTTS làm việc tại các KCN khảo sát ở tỉnh Quảng Nam chiếm đa số, với 78,7%. Kết quả này phù hợp với các số liệu đã công bố về tỷ lệ lao động nam/nữ trong các KCN.

Bảng 1: Độ tuổi và giới tính của thanh niên DTTS di cư tại địa bàn khảo sát

(Đơn vị: %)

Tiêu chí		Theo địa phương (tỉnh)			Bình quân chung
		Thái Nguyên	Quảng Nam	Bình Dương	
Độ tuổi	16 - 20	5,6	25,0	13,2	14,6
	21 - 25	40,6	55,0	54,5	50,0
	26 - 30	53,8	20,0	32,3	35,4
Giới tính	Nam	43,8	21,3	45,2	36,8
	Nữ	56,2	78,7	54,8	63,2

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên DTTS tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Theo số liệu thống kê 325 KCN cả nước năm 2016, tỷ lệ lao động nữ chiếm 63%; một số ngành như da giày, dệt may, chế biến thủy sản có doanh nghiệp tỷ lệ nữ chiếm trên 80% (Trang tin điện tử Công tác cán bộ nữ, 2018). Ngành dệt may hiện sử dụng khoảng 2,3 triệu lao động, chiếm trên 10% lao động công nghiệp cả nước, trong đó khoảng 78% là lao động nữ (Nguyễn Hữu Bắc, 2019; Lê Tiến Trường, 2019). Ngành công nghiệp chế biến nông lâm thủy sản sử dụng trực tiếp khoảng 1,6 triệu lao động, phần lớn là lao động nữ (Lâm Nguyễn, 2020). Công ty điện tử Samsung Việt Nam (SEVT) là ví dụ điển hình cho việc sử dụng lao động nữ di cư đến từ 33 tỉnh thành phía Bắc và khu vực miền Trung với 75% là lao động nữ (Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2016).

Lao động nữ thanh niên DTTS đã có vai trò quan trọng hơn khi họ được tham gia làm việc và chiếm số đông tại các KCN. Với tỷ lệ rất cao này, lao động nữ tại các KCN đã làm thay đổi quan điểm về giới trong lực lượng lao động người DTTS. Ngoài ra, khi lao động nữ di cư thuộc nhóm có khả năng chi tiêu tiết kiệm hơn nam giới, hiệu quả và mục đích di cư của họ tốt hơn nam dẫn đến xu hướng chuyển dịch lao động với tỷ trọng nữ giới chiếm ưu thế.

1.3. Hoàn cảnh kinh tế gia đình của người di cư

Do sinh sống ở vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn nên nhóm thanh niên DTTS di cư tại các KCN trên địa bàn khảo sát có hoàn cảnh kinh tế gia đình chủ yếu thuộc nhóm có thu nhập thấp. Trong đó nhóm có hoàn cảnh kinh tế hộ nghèo và cận nghèo chiếm 31,5%, hộ trung bình là 66,6%, chỉ có 1,9% thuộc nhóm hộ khá (Bảng 2).

Bảng 2: Hoàn cảnh kinh tế gia đình của thanh niên DTTS làm việc tại các KCN

(Đơn vị: %)

Tiêu chí		Theo địa phương (tỉnh)			Bình quân chung
		Thái Nguyên	Quảng Nam	Bình Dương	
Hoàn cảnh kinh tế gia đình	Nghèo và cận nghèo	41,9	78,7	79,1	66,6
	Trung bình	57,5	18,0	19,1	31,5
	Khá và giàu	0,6	3,3	1,8	1,9

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Áp lực kinh tế gia đình là một trong những nguyên nhân quan trọng thúc đẩy sự di cư của nhóm thanh niên DTTS đi làm ăn xa quê tới các KCN. Nhờ có di cư lao động này, họ có cơ hội kiếm được việc làm với thu nhập cao hơn. Cũng có thể coi đây là hiện tượng sinh kế mới phổ biến tại nhiều vùng nông thôn miền núi. Kết quả khảo sát tại 3 tỉnh nghiên cứu cho thấy, hầu hết các thanh niên DTTS cho rằng, lý do di cư chính của họ tới các KCN là việc làm và thu nhập (Hộp 1).

Hộp 1: Lý do đi làm việc tại các khu công nghiệp

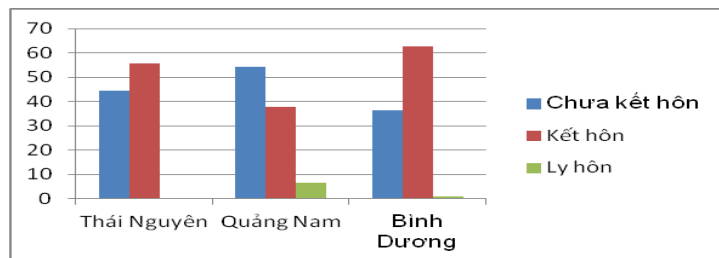
“Ở nhà hết thì chết đói, có mỗi ruộng thì làm đủ ăn, con cái đi học không có tiền đóng. Rồi còn mua bán các thứ nữa; phải đi làm thôi”(PV nam, chủ hộ, dân tộc Tày, Thái Nguyên, 35 tuổi, có vợ đi làm công nhân). “Việc ở nhà ít, có con nhỏ, vợ còn chăm con thì mình phải đi làm công nhân kiếm tiền, có lương còn gửi về nuôi cả nhà” (PV công nhân, Quảng Nam, 27 tuổi, người Ca Dong, đã có gia đình). “Ở quê làm lúa cực lắm, cả nhà mình lên thành phố làm công nhân, đi cùng chồng và người quen nên yên tâm” (PV công nhân, Bình Dương, 30 tuổi, dân tộc Khơ-me, cả hai vợ chồng lên thành phố làm công nhân). “Em học xong cấp 3, bố mẹ làm ruộng, không có tiền đi học đại học, em theo bạn vào miền Nam kiếm việc làm, ở nhà làm ruộng em không làm được; đi làm kiếm ít vốn còn lấy vợ, có điều kiện chăm lo cho gia đình” (PV công nhân, 21 tuổi, dân tộc Khơ-me, Bình Dương, chưa có gia đình). “Công nhân trẻ ở đây có người nợ nần ở quê nhiều quá, không có tiền trả, phải trốn đi làm công nhân để kiếm tiền trả nợ; ở quê lấy gì mà sống, trên này chịu khó đi làm có lương 5 - 7 triệu cũng đủ ăn tiêu” (PV chủ nhà trọ, 55 tuổi, Bình Dương). “Công ty kết nối với Phòng Lao động huyện tuyển mỗi đợt 300 - 800 công nhân, họ đưa xe về đón, công ty Hàn Quốc, chế độ làm việc tốt, có kí túc xá cho công nhân; mỗi năm, huyện có hơn 1.000 công nhân đi làm tại các khu công nghiệp; dân ở đây chăm chỉ, chịu khó, thật thà nên công ty tuyển xong cho học nghề, rồi có lương thưởng tốt; thanh niên đi làm công nhân nhiều lắm (PV Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Bắc Trà My, Quảng Nam).

1.4. Tình trạng hôn nhân của người di cư

Đối với nhiều thanh niên DTTS ở các vùng nông thôn miền núi, hôn nhân thường đến sớm hơn so với nhóm thanh niên cùng lứa tuổi ở các vùng khác. Theo kết quả khảo sát tại 3 tỉnh nghiên cứu, 52% thanh niên DTTS tại KCN đã kết hôn (Biểu đồ 2). Tỷ lệ đã kết hôn ở Thái Nguyên và Bình Dương là 55,6% và 62,6 %, cao hơn so với Quảng Nam (38%); hoặc có thể số lao động trẻ tuổi ở Quảng Nam cao hơn so với Thái Nguyên và Bình Dương. Hôn nhân sớm thường gây áp lực lớn cho cuộc sống gia đình, đặc biệt là vấn đề kinh tế. Theo Đặng Thị Hoa (2020), gánh nặng sinh kế cho gia đình khiến cho một bộ phận khá lớn thanh niên ở nhiều DTTS đã bỏ học giữa chừng và tìm việc làm có thu nhập cao hơn so với làm nông nghiệp. Lựa chọn di cư và việc làm tại KCN để trang trải cho cuộc sống gia đình là điều dễ hiểu. Kết quả khảo sát cũng cho thấy, hầu hết người lao động thanh niên DTTS di cư tại các khu công nghiệp không mang theo gia đình, mà chỉ đi một mình theo kiểu đi làm ăn xa thường xuyên hoặc di cư mùa vụ.

Biểu đồ 2: Tình trạng hôn nhân của thanh niên DTTS làm việc tại KCN

(Đơn vị: %)



1.5. Thu nhập của lao động dân tộc thiểu số di cư

Bảng 3: Thu nhập theo tháng của thanh niên DTTS số di cư việc làm

(Đơn vị: % trong tổng số người khảo sát)

Mức thu nhập (triệu đồng/tháng)	Thái Nguyên	Quảng Nam	Bình Dương
≤ 5	3,8	45,0	0,9
$> 5 - 7$	68,1	51,7	40,9
$> 7 - 10$	27,5	3,3	46,1
> 10	0,6	0,0	12,2

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Thu nhập là mục tiêu chính trong di cư việc làm của nhóm thanh niên DTTS ở các KCN. Kết quả khảo sát cho thấy, tiền lương hàng tháng của công nhân chiếm 90% tổng thu nhập, các khoản khác như tiền thưởng, tiền tăng ca chiếm trên dưới 10%. Kết quả ở Bảng 3

chỉ ra rằng, lao động ở tỉnh Bình Dương có mức thu nhập cao nhất, sau đó đến Thái Nguyên, Quảng Nam. Nhìn chung ở cả 3 tỉnh, mức thu nhập của người lao động thanh niên DTTS là 5 - 7 triệu đồng và trên 7 - 10 triệu đồng/tháng là phổ biến. Thu nhập bình quân/tháng của những người lao động này ở Thái Nguyên là 6,72 triệu đồng, Quảng Nam là 5,14 triệu và Bình Dương là 8,15 triệu đồng. Mức thu nhập ấy là khá cao so với làm nông nghiệp ở quê. Việc làm có thu nhập cao chính là lực kéo thúc đẩy quá trình di cư từ khu vực nông thôn của nhóm thanh niên DTTS tới các KCN. Tuy nhiên, chi tiêu hàng tháng cũng không nhỏ, thanh niên DTTS di cư phải trả tiền thuê nhà, tiền điện nước, internet, ăn uống, thuốc men..., và phải tiết kiệm tiền để gửi về hỗ trợ gia đình. Đặc biệt, thời điểm năm 2020 - 2021, do tác động của dịch Covid-19, thanh niên DTTS di cư này có ít việc làm thêm, thu nhập giảm đi, đời sống có nhiều khó khăn cần phải đối mặt.

Hộp 2: Mức thu nhập và chi tiêu của lao động thanh niên DTTS di cư

“Đi làm công nhân lương khoảng 5 - 6 triệu 1 tháng, ăn 1 bữa ở công ty, tự nấu ăn nên trừ hết chi phí mỗi tháng em cũng chỉ gửi về nhà được hơn 2 triệu để đóng học cho con” (PV công nhân, nữ, dân tộc Tày, Thái Nguyên, đã kết hôn). “Em đi làm trung bình 10 tiếng/ngày theo ca; lương trước khi chưa có Covid thì có làm thêm giờ được hơn 7 triệu đồng, nhưng từ lúc Covid chỉ được 4,5 triệu; trừ tiền nhà trọ, ăn uống, chi tiêu thì chẳng còn đồng nào gửi về nhà; trước cũng dành 1 - 2 triệu gửi về nhưng giờ thì không để được đồng nào” (PV công nhân, nữ, dân tộc Khơ-me, Bình Dương).

2. Một số vấn đề ảnh hưởng tới nhóm thanh niên DTTS di cư làm việc tại KCN

2.1. Trình độ văn hóa và đào tạo nghề nghiệp chuyên môn

Kết quả khảo sát (Bảng 4) cho thấy, thanh niên DTTS tại các KCN có trình độ văn hóa trung học phổ thông, trung học cơ sở và tiểu học chiếm tỷ lệ tương ứng là 56,7%, 27,4% và 13,7%. Ngoài ra còn 2,2% số người lao động này không được đi học hoặc chưa học hết tiểu học, chủ yếu ở Bình Dương là vùng có đông dân tộc Chăm, Khơ-me đến làm việc. Đối tượng không biết chữ hoặc trình độ văn hóa thấp chủ yếu làm các công việc trực tiếp giản đơn, không yêu cầu kỹ thuật cao tại KCN.

Bảng 4: Trình độ văn hóa và chuyên môn của lao động là người DTTS di cư

(Đơn vị: %)

Tiêu chí		Theo địa phương (tỉnh)			Bình quân chung
		Thái Nguyên	Quảng Nam	Bình Dương	
Trình độ văn hóa	Không được đi học hoặc chưa học hết tiểu học	0	1,6	4,9	2,2

Đào tạo nghề và trình độ chuyên môn	Tiểu học	3,8	1,6	35,7	13,7
	Trung học cơ sở	15,6	18,0	48,7	27,4
	Trung học phổ thông	80,6	78,7	10,7	56,7
	Chưa được đào tạo	76,3	66,7	75,7	72,9
	Đào tạo nghề	13,1	20,0	20,8	18,0
	Cao đẳng	6,9	13,3	2,6	7,6
	Đại học	3,1	0	0,9	1,3

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Về nghề nghiệp và trình độ chuyên môn được đào tạo, có đến 72,9% lao động thanh niên DTTS tại các KCN ở địa bàn nghiên cứu không được đào tạo nghề, và tất nhiên họ không có chứng chỉ đào tạo chuyên môn; chỉ có 18% lao động được đào tạo nghề, 7,6% và 1,3% có bằng cao đẳng và đại học. Điều này là hạn chế rất lớn, ảnh hưởng tới khả năng tìm việc làm và nâng cao thu nhập cho lao động thanh niên DTTS tại các KCN. Bởi vì, trình độ văn hóa thấp, không đồng đều và năng lực tay nghề thấp, không được đào tạo nghề trước khi di cư lao động là những rào cản lớn của nhóm thanh niên DTTS với những cơ hội tìm việc làm yêu cầu trình độ kỹ thuật cao.

2.2. Việc làm và vị trí việc làm tại khu công nghiệp

Phần lớn lao động thanh niên DTTS làm việc tại các KCN là công nhân sản xuất trực tiếp (chiếm 54,1 - 89,4%), chủ yếu là các công việc lắp ráp, giản đơn. Số lượng công nhân kỹ thuật (tại các nhà máy) hoặc thợ thủ công (tại một số cơ sở sản xuất) chiếm tỷ lệ thấp (3,8% - 26,2%); chỉ có tỷ lệ nhỏ làm nhóm trưởng/tổ trưởng sản xuất (1,9 - 3,5%), làm nhân viên văn phòng hoặc các công việc khác (0,9 - 9,8%) (Bảng 5).

Bảng 5: Công việc và vị trí làm việc của thanh niên DTTS di cư làm việc tại các KCN
(Đơn vị: %)

Vị trí trong công việc	Quảng Nam	Thái Nguyên	Bình Dương
Công nhân sản xuất, lắp ráp	54,1	89,4	72,2
Công nhân kỹ thuật, thợ thủ công	26,2	3,8	19,1
Nhóm trưởng/tổ trưởng	3,3	1,9	3,5
Lao động giản đơn	6,6	3,8	4,3
Nhân viên VP và công việc khác	9,8	1,3	0,9

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Rõ ràng, có mối quan hệ chặt chẽ giữa trình độ văn hóa thấp, không đồng đều và trình độ tay nghề thấp, không được đào tạo nghề với các loại việc làm được bố trí của nhóm lao động thanh niên DTTS làm việc tại các KCN. Họ chủ yếu làm các công việc sản xuất trực

tiếp với tính chất lao động giản đơn, nên có thu nhập không cao. Đây là vấn đề cần chú ý cho công tác hoạch định chính sách của Nhà nước trong vấn đề lao động và việc làm.

2.3. Đánh giá mức độ các khó khăn ảnh hưởng đến việc làm của người di cư

Các khó khăn ảnh hưởng tới tìm việc làm cũng như trong quá trình làm việc của nhóm thanh niên DTTS tại các KCN được đánh giá theo phương pháp định tính, cảm nhận của chính bản thân người lao động được khảo sát. Theo đó, khó khăn lớn nhất là việc sắp xếp theo thứ tự ưu tiên chính bao gồm trình độ tay nghề yếu do không được đào tạo đầy đủ, thiếu kinh nghiệm làm việc và trình độ văn hóa thấp (Bảng 6); yếu tố giới tính và các vấn đề về tập quán, ngôn ngữ, văn hóa, xã hội cũng có ảnh hưởng nhưng ở mức độ thấp hơn.

Bảng 6: Các khó khăn ảnh hưởng tới tìm việc làm và làm việc tại khu công nghiệp
(Tỷ lệ %)

Tiêu chí	Địa phương (tỉnh)			Đánh giá chung	
	Thái Nguyên	Quảng Nam	Bình Dương	Trung bình	Xếp hạng
Trình độ tay nghề yếu	45,0	44,3	38,1	42,5	1
Trình độ văn hóa thấp	39,9	9,8	33,9	27,9	3
Thiếu kinh nghiệm làm việc	28,8	34,4	29,1	30,8	2
Tập quán, ngôn ngữ, văn hóa xã hội	9,4	3,2	11,5	8,0	5
Giới tính	14,4	1,6	18,3	11,4	4

Nguồn: Số liệu điều tra đề tài “Nghiên cứu di cư và hòa nhập xã hội của nhóm thanh niên dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp” (2020-2021)

Có thể thấy, các chính sách đào tạo nghề, hỗ trợ tìm kiếm việc làm còn nhiều bất cập đối với lao động thanh niên DTTS di cư. Tại các địa bàn khảo sát, lao động DTTS di cư hầu như chưa được đào tạo kỹ năng nghề phù hợp với việc làm ở nơi đến, mà chủ yếu làm theo kinh nghiệm của người đi trước, hoặc phải học nghề từ đầu sau khi được doanh nghiệp tuyển dụng. Rất ít người tiếp cận hiệu quả với chương trình đào tạo nghề có liên kết với doanh nghiệp tuyển dụng. Tình trạng thiếu kỹ năng bổ trợ và không được hỗ trợ tìm kiếm việc làm tại nơi đến gây khó khăn cho lao động người DTTS khi di cư. Nhiều lao động di cư tự nhận thấy một số điểm yếu của mình, như kỹ năng giao tiếp kém, thiếu kinh nghiệm tìm kiếm việc làm, yếu về quản lý chi tiêu/tích lũy, không có mục tiêu và kế hoạch phát triển nghề nghiệp khi đi làm ăn xa,... Hiện còn thiếu các cơ chế, chính sách được thể chế hóa để hỗ trợ cho lao động DTTS di cư. Trong khi, các hỗ trợ hiện có tại các địa bàn khảo sát chủ yếu mang tính nhỏ lẻ, chưa đồng bộ và chủ yếu dựa trên tự sáng tạo của từng đơn vị sử dụng lao động hoặc chính quyền địa phương.

3. Một số vấn đề đặt ra với di cư việc làm của thanh niên DTTS tới các KCN

Quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ đã thu hút nguồn lao động di cư từ các địa phương khác tới các địa phương phát triển kinh tế nhanh và mạnh, tập trung nhiều ở KCN. Kết quả khảo sát cho thấy hai vấn đề chủ yếu như sau:

Một là, đối với nơi đến, thanh niên DTTS di cư giúp bổ sung nguồn lao động quan trọng cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nhu cầu lao động của nơi đến, đồng thời góp phần phát triển nhanh, nhiều các dịch vụ xã hội do lao động di cư đến phải chi dùng cho sinh hoạt hàng ngày, tham gia các hoạt động vui chơi giải trí. Vấn đề đặt ra là tại các KCN, ngoài hỗ trợ nâng cao tay nghề, bố trí việc làm phù hợp cho người lao động, cần có hệ thống nhà ở xã hội, khu kí túc xá công nhân, điện, nước, giao thông vận tải, chăm sóc sức khỏe...; hệ thống an ninh trật tự đảm bảo, an sinh xã hội hiệu quả;... Đặc biệt, những KCN thu hút lực lượng đông lao động nữ DTTS, vấn đề nhà ở an toàn, nhà trẻ, trường học, khu vui chơi, giải trí, chăm sóc sức khỏe sinh sản cần được quan tâm hơn nữa. Bên cạnh đó, nữ thanh niên DTTS di cư cũng đem lại những sự thay đổi về tình trạng kết hôn, ly hôn, mâu thuẫn gia đình và hàng loạt các vấn đề nảy sinh.

Hai là, đối với nơi có người lao động di cư, quá trình chuyển dịch lao động, đặc biệt thanh niên DTTS đã tạo ra nguồn tiền đáng kể phục vụ sinh hoạt cá nhân và gia đình của họ, cũng như tích lũy gửi về. Song, chính điều này đã dẫn đến áp lực lao động tại chỗ bị ảnh hưởng; các thành viên trong gia đình xa cách, con thiếu mẹ hoặc bố, thậm chí cả bố và mẹ; quá trình chăm sóc trẻ em phụ thuộc vào các thành viên còn lại trong gia đình mà ở đây chủ yếu là ông bà/bố/mẹ và các anh, chị, nên trẻ em gặp phải các vấn đề về đời sống tâm lý, học tập cũng như thực hiện chức năng sống hàng ngày của trẻ; các yếu tố nguy cơ/bảo vệ trẻ em có bố mẹ đi làm xa;... Với người cao tuổi, khi thanh niên di cư thì việc chăm sóc người già lúc ốm đau, bệnh tật hay cô đơn cũng là vấn đề đáng quan tâm. Thêm nữa, tình cảm vợ chồng xa cách cũng làm nảy sinh những hẫng hụt, mâu thuẫn gia đình, tăng tỷ lệ ly hôn ở nơi đi,... Một vấn đề xã hội khác cần quan tâm đó là vấn đề “hậu công nghiệp” - vấn đề việc làm, thu nhập và sự hòa nhập trở lại của người lao động di cư khi từ KCN trở về cộng đồng.

Kết luận

Điều kiện kinh tế - xã hội, việc làm, sinh kế, thu nhập ở quê hương khó khăn, không được bảo đảm, đã thúc đẩy người lao động DTTS, nhất là lực lượng lao động trẻ tuổi tìm mọi cách để phát triển kinh tế, đặc biệt là đi kiếm việc làm ở nơi xa, trong đó KCN luôn là một trong những điểm đến được ưu tiên lựa chọn. Đó là lý do tất yếu dẫn tới luồng di cư của nhóm thanh niên DTTS từ các vùng miền núi, nông thôn đến các KCN. Tại những địa bàn khảo sát, các thanh niên DTTS làm việc ở KCN có thể không quá khó khăn khi tìm kiếm công việc, song họ chủ yếu làm các công việc đơn giản, nhàm chán, lương không cao, trình độ tay nghề còn thấp với nhiều hệ lụy cần giải quyết và rất cần hỗ trợ kịp thời. Vấn đề thanh niên DTTS di cư làm việc tại các KCN đang trở thành hiện tượng sinh kế phổ biến. Ngoài

thực trạng về nhân khẩu học, kinh tế học, cũng đặt ra hàng loạt vấn đề xã hội cần được quan tâm trong các nghiên cứu sắp tới, như bảo đảm việc làm ổn định, sự chấp nhận và hòa nhập của nhóm lao động di cư với cộng đồng xã hội mới tại các KCN, kể cả các vấn đề xã hội khác có liên quan.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2019), *Kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2019*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
2. Nguyễn Hữu Bắc (2019), “Thị trường lao động và những tác động cuộc cách mạng công nghiệp 4.0”, *Tạp chí điện tử Lao động và Xã hội*, trên trang <http://laodongxahoi.net/> (Truy cập ngày 20/11/2020).
3. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2016), *Đối thoại chính sách với Công ty Điện tử Samsung Việt Nam*, trên trang <http://www.molisa.gov.vn/> (Truy cập ngày 07/8/2016).
4. CARE Quốc tế tại Việt Nam (2020), *Lao động di cư trong cộng đồng dân tộc thiểu số: Thực trạng và hàm ý chính sách*, Báo cáo tóm lược tháng 3/2020, tr. 5-9.
5. Đặng Thị Hoa (2020), *Một số vấn đề đặt ra với gia đình dân tộc thiểu số hiện nay*. Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, trên trang <https://vass.gov.vn> (Truy cập ngày 30/10/2020).
6. Lâm Nguyễn (2020), *Công nghiệp chế biến nông sản tạo việc làm cho 1,6 triệu lao động*, trên trang <http://kinhhtedothi.vn> (Truy cập ngày 20/2/2020).
7. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), *Luật Thanh niên*, số 57/2020/QH14, thông qua ngày 16/6/2020.
8. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016a), *Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014: Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
9. Tổng cục Thống kê và Quỹ Dân số Liên hợp quốc (2016b), *Điều tra di cư nội địa 2015*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
10. Tổng cục Thống kê (2020), *Tư liệu kinh tế xã hội 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
11. Lê Tiến Trường (2019), *Ngành dệt may Việt Nam trước tác động của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*, trên trang <https://tapchicongsan.org.vn> (Truy cập ngày 18/11/2019).